

ĐÁNH GIÁ KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ, THỰC HÀNH VỀ VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA NGƯỜI DÂN TẠI HUYỆN MIỀN NÚI NAM TRUNG BỘ

● LƯU HỒNG PHÚC¹ - PHAN THỊ THANH HIỀN¹ - TRƯƠNG THỊ XUÂN²

¹Khoa Công nghệ Thực phẩm, Đại Học Nha Trang

²Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Nha Trang

TÓM TẮT:

Nghiên cứu điều tra kiến thức, thái độ và thực hành (KAP) về vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) của người dân tộc Kinh và dân tộc thiểu số (DTTS) tại huyện miền núi Nam Trung Bộ. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp và sử dụng phiếu câu hỏi điều tra đã được thiết kế sẵn với 392 người dân (tỷ lệ người Kinh: người DTTS được khảo sát xấp xỉ 1:1), trong đó, độ tuổi lao động từ 18-55 tuổi. Kết quả đánh giá KAP cho thấy: Trình độ học vấn của dân cư tại đây khá thấp (57,4% dưới trung học phổ thông). Qua kết quả phân tích mối quan hệ giữa học vấn và dân tộc ảnh hưởng đến KAP, nghiên cứu cho thấy: học vấn càng cao thì kiến thức càng tốt, tuy nhiên thái độ và thực hành về VSATTP lại không liên quan nhiều đến đặc điểm dân tộc hay học vấn.

Từ khóa: an toàn thực phẩm, kiến thức, thái độ, thực hành, đánh giá.

1. Đặt vấn đề

Kiến thức, thái độ, thực hành về VSATTP của người dân có vai trò hết sức quan trọng trong việc đảm bảo ATTP và phòng ngừa ngộ độc thực phẩm. Hiện nay, vấn đề VSATTP chủ yếu được quan tâm ở khu vực đô thị, các khu công nghiệp, trường học hay bệnh viện, khu vực nông thôn miền núi còn nhiều hạn chế. Tại khu vực nông thôn miền núi, điều kiện kinh tế của người dân còn nhiều khó khăn, nhận thức về ATTP còn thấp, vì vậy việc khảo sát KAP về VSATTP cho người dân là rất cần thiết.

Vùng Nam Trung Bộ, ngoài người Kinh là dân tộc đa số, có nhiều dân tộc thiểu số tụ cư, hợp thành cơ cấu dân cư đa tộc người, giàu bản sắc. Khánh

Hòa có 35 dân tộc thiểu số, chiếm 5,8% dân số toàn tỉnh; Ninh Thuận có 32 dân tộc thiểu số, chiếm 24,4% dân số; Phú Yên có 33 dân tộc thiểu số, chiếm 6,9% dân số (Báo Nhân Dân, 2022). Nơi đây chủ yếu là dân nông thôn (87,8%) có đời sống dân sinh còn thấp nên việc tiếp cận với thông tin ATTP còn hạn chế dẫn đến hiểu biết về ATTP của người dân đặc biệt là người dân tộc thiểu số tại các vùng núi cao của huyện. Vì vậy nguy cơ ngộ độc thực phẩm do thiếu kiến thức về ATTP ở nơi đây vẫn là vấn đề đáng lo ngại.

Một số kết quả nghiên cứu nước ngoài liên quan đến KAP của người dân cho thấy, mối liên quan giữa kiến thức thái độ và thực hành với trình độ học vấn

(Tuglo & cộng sự, 2021, Wafa & cộng sự., 2018) và đồng thời cũng có mối tương quan giữa kiến thức, thái độ và thực hành với nhau (Asmawi, 2017). Từ các kết quả cho thấy, việc thiếu kiến thức là nguyên nhân gây mất ATTP; người dân thực hành ATTP yếu kém do trình độ thấp, không được đào tạo, không có kiến thức về ATTP.

Một số kết quả nghiên cứu trong nước đánh giá kiến thức, thái độ và thực hành của một số đối tượng khác nhau đã được thực hiện trên rất nhiều tỉnh thành khác nhau như Hà Giang (Phùng & cộng sự., 2018), Hà Nội (Phạm & Tường, 2019), Khánh Hòa (Lê & Nguyễn, 2015), Tiền Giang (Hò, 2018), Huế (Nguyễn & cộng sự, 2017) đã chỉ ra, cần tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền, tập huấn cho các đối tượng về VSATTP.

Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về ATTP đã điều tra kiến thức, thái độ và thực hành của người nội trợ, người tiêu dùng, người tham gia sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, ngư dân... nhưng chưa có nghiên cứu nào đề cập đến kiến thức, thái độ và thực hành ATTP của người huyện miền núi nói chung và giữa những người dân tộc Kinh và DTTS trên cùng một địa bàn nói riêng.

Từ thực tiễn trên, nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng kiến thức, thái độ, thực hành về an toàn thực phẩm người dân huyện miền núi Nam Trung Bộ, đồng thời xác định mối liên quan giữa các đặc điểm học vấn, tính dân tộc ảnh hưởng đến KAP về VSATTP. Từ đó đề xuất giải pháp nâng cao kiến thức, kỹ năng thực hành của người dân nhằm giảm thiểu nguy cơ ngộ độc thực phẩm và các bệnh lây truyền qua thực phẩm cho người dân.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 02/2025 đến tháng 05/2025, đối tượng là người dân tộc Kinh và dân thiểu số có độ tuổi từ 18-55 tuổi, tại 1 thị trấn và 13 xã của huyện miền núi Nam Trung Bộ.

Do quá trình điều tra xác định được tổng số mẫu là 20.686 người (Báo Nhân Dân, 2022), nên sử dụng công thức tính cỡ mẫu đơn giản của Cochran (1963):

$$n = \frac{N}{1 + N.e^2} = \frac{20686}{1 + 20686.0,05^2} = 392 \text{ (người)}$$

Trong đó:

n: số người cần khảo sát; N: tổng số mẫu; e: mức độ tin cậy 95% (e = 0,05)

Vì tổng thể có quy mô lớn và địa bàn nghiên cứu rộng nên mẫu được chọn theo 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Sử dụng phương pháp lấy mẫu ngẫu phân tầng dựa trên sự phân chia lao động các xã và thị trấn tại Nam Trung Bộ.

- Giai đoạn 2: Sử dụng phương pháp lấy mẫu thuận tiện để tạo thuận lợi và tiết kiệm thời gian cho người phỏng vấn.

2.2. Kỹ thuật thu thập thông tin, đánh giá

Khảo sát, đánh giá bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp kết hợp phiếu khảo sát được thiết kế sẵn. Người dân tham gia phỏng vấn trên tinh thần tự nguyện hợp tác sau khi đã được giải thích về ý nghĩa, mục đích của điều tra. Phiếu điều tra được xây dựng và hoàn chỉnh sau các đợt đánh giá thí điểm. Phiếu gồm 2 phần:

- Phần 1: Các câu hỏi về thông tin cá nhân về: tuổi, giới tính, trình độ học vấn, dân tộc, nghề nghiệp và vấn đề liên quan đến việc tiếp cận thông tin về ATTP.

- Phần 2: Các câu hỏi về kiến thức, thái độ, thực hành về VSATTP của người dân tại Nam Trung Bộ về: khái niệm VSATTP, về bệnh thực phẩm, ngộ độc thực phẩm, chế biến và bảo quản thực phẩm.

Với 10 câu hỏi phần kiến thức mỗi câu trả lời đúng là 2 điểm, câu trả lời sai hoặc không biết là 1 điểm. Tổng điểm phần này không quá 20 điểm.

Với 10 câu hỏi phần thái độ tổng điểm phần này không quá 50 điểm với câu trả lời là hoàn toàn đồng ý = 5 điểm, đồng ý = 4 điểm, không chắc chắn = 3 điểm, không đồng ý = 2 điểm và hoàn toàn không đồng ý là 1 điểm.

Với 12 câu hỏi phần thực hành tổng không quá 60 điểm, với câu trả lời chưa từng = 1 điểm, đôi khi = 2 điểm, thỉnh thoảng = 3 điểm, thường xuyên = 4 điểm, luôn luôn = 5 điểm. Với câu hỏi có dấu * thì chưa từng = 5 điểm, đôi khi = 4 điểm, thỉnh thoảng = 3 điểm, thường xuyên = 2 điểm, luôn luôn = 1 điểm.

Người được khảo sát đạt yêu cầu về kiến thức, thái độ và thực hành về VSATTP khi đạt điểm lớn hơn hoặc bằng mức điểm trung bình tính được.

2.3. Phương pháp xử lý số liệu:

Kết quả thu được nhập và xử lý trên phần mềm SPSS 22 và Excel 2013.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Thông tin cá nhân

Qua phân tích 392 phiếu khảo sát, thu được kết quả: Đối tượng được khảo sát chủ yếu là nữ, chiếm 64,5%, nhóm tuổi từ 18-39 tuổi (64,3%) có tỷ lệ lớn hơn với nhóm tuổi từ 40-55 tuổi (35,7%), có 188 đối tượng khảo sát tương đương 48% là người dân tộc Kinh, còn lại 204 người là dân tộc thiểu số với 52%. Trình độ học vấn của đa số người tại đây là trình độ trung học cơ sở (33,4%), cùng với số ít người dân

tiếp cận vấn đề ATTP giữa 2 nhóm người dân tộc Kinh và dân tộc thiểu số cũng có khác biệt.

Bên cạnh đó mong muốn được phổ biến kiến thức, thông tin về ATTP của người dân nơi đây rất cao, chiếm 97,2%, trong đó mong muốn thường xuyên đến phổ biến là 44,1% và thỉnh thoảng phổ biến là 53,1%.

3.3. Kiến thức, thái độ, thực hành về VSATTP của người dân

3.3.1. Đánh giá kiến thức thái độ thực hành chung

Bảng 1. Bảng đánh giá KAP về VSATTP của người dân

	Điểm trung bình (điểm)	Độ lệch chuẩn	Số người đạt yêu cầu điểm trung bình (người)	Tỷ lệ phần trăm (%)
Kiến thức	17,97	2,104	273	69,64
Thái độ	41,34	5,133	223	56,89
Thực hành	47,53	5,688	214	54,59

không đi học chỉ chiếm 6,9%. Nghề nghiệp của người dân chủ yếu là nông dân, phần lớn là làm rẫy với tỷ lệ 48,2%, 13,5% là học sinh sinh viên, 16,6% là công nhân và 17,6% làm công việc khác, còn lại số lượng nhỏ người dân không có việc làm (thất nghiệp) chiếm 4,1%.

Kết quả người dân tộc Kinh có trình độ học vấn cao hơn nhóm dân tộc thiểu số. Nhóm dân tộc thiểu số chủ yếu là trình độ trung học cơ sở trở xuống với 73,1%, còn nhóm dân tộc Kinh có trình độ học vấn từ trung học phổ thông trở lên chiếm tỷ lệ lớn hơn (59,6%). Trình độ học vấn khác nhau có thể ảnh hưởng đến kiến thức, thái độ và thực hành ATTP của người dân tộc Kinh và người DTTS nơi đây.

3.2. Sự tiếp cận thông tin về ATTP

Hầu hết mọi đối tượng khảo sát đều có biết đến thông tin an toàn thực phẩm (96,4%) với nguồn tin khác nhau như: người thân trong gia đình (54,1%), bạn bè/đồng nghiệp (22,2%), sách/báo (23%), tivi/ đài phát thanh/ xe tuyên truyền (46,2% - mà chủ yếu tiếp tivi còn đài phát thanh/ xe tuyên truyền là rất ít tiếp cận và hầu như không có), qua mạng xã hội (46,9%), trường lớp hoặc được phổ biến tại nơi làm việc hoặc nơi ở (29,6%) và nguồn khác (2,8%). Qua điều tra thực tế bằng một số câu hỏi phụ, nhận thấy sự

Kết quả Bảng 1 cho thấy:

Trong 10 câu hỏi kiến thức với mức điểm tối đa là 20 điểm, có 273 người (69,64%) đạt yêu cầu về kiến thức VSATTP với mức điểm trung bình là 17,97%. Kết quả trên phản ánh thực trạng kiến thức của người dân ở mức khá, người dân cũng đã có kiến thức về VSATTP nhưng chưa nhiều. Nhiều người vẫn có kiến thức sai về việc sử dụng chung đồ dùng để đựng hoặc chế biến thức ăn sống và chín là vẫn an toàn không có nguy cơ mất VSATTP. Đặc biệt trong 2 câu hỏi về triệu chứng ngộ độc thực phẩm và nhóm thực phẩm có chứa độc tố tự nhiên có thể gây ngộ độc thực phẩm thì số câu trả lời sai hoặc không biết là rất lớn.

Trong 10 câu hỏi về thái độ với mức điểm tối đa là 50 điểm, mức điểm trung bình là 41,34 điểm thì có 223 người (56,89%) đạt yêu cầu về thái độ. Hơn một nửa số đối tượng được khảo sát có đã có nhận thức đúng về ATTP và đa số những người có nhận thức đúng là người dân tộc Kinh, phần còn lại là các đối tượng DTTS có trình độ hoặc đã được phổ biến kiến thức tại nơi làm việc hoặc thường xuyên tiếp cận thông tin ATTP. Đối với 43,11% còn lại không đạt yêu cầu về thái độ là bởi hầu hết họ không đồng ý với việc phải đeo bao tay khi chạm vào thức ăn sẵn hay

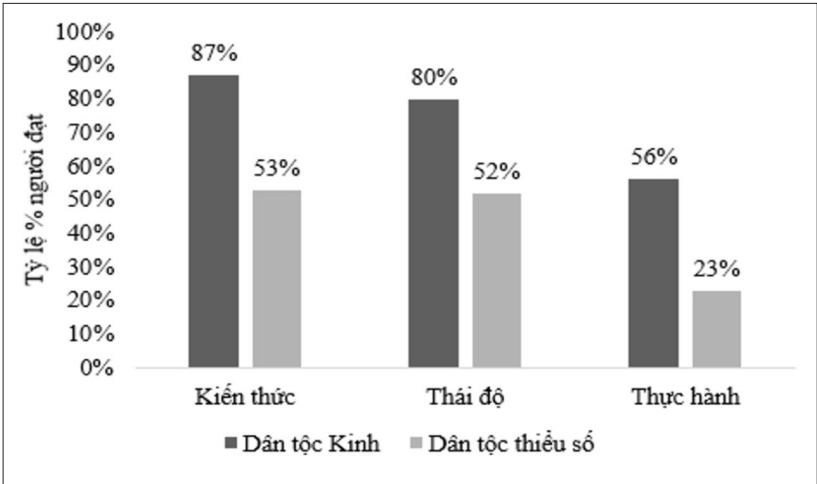
nếu mắc các bệnh truyền nhiễm thì không nên chế biến thực phẩm.

Đối với đánh giá về thực hành có 12 câu hỏi với mức điểm tối đa là 60 điểm, điểm trung bình là 47,53 điểm thì có 54,59% người dân đạt yêu cầu tương đương 214 người. Người thực hành mắc các lỗi phổ biến như hiếm khi đeo bao hay khi chế biến thực phẩm chín, thường xuyên hoặc luôn luôn để thực phẩm sống và chín cạnh nhau, chọn mua thực phẩm không đảm bảo nhưng giá rẻ về sử dụng hay sử dụng nước rửa thực phẩm để rửa dụng cụ chế biến.

3.3.2. Điểm kiến thức, thái độ, thực hành của người dân theo dân tộc

Dựa vào kết quả phân tích từ phần mềm Excel kết quả so sánh KAP giữa 2 nhóm dân tộc trong Hình 1 như sau:

Hình 1. Điểm kiến thức, thái độ, thực hành của người dân theo dân tộc



Về kiến thức: ta thấy đa số người dân tộc Kinh có kiến thức tốt hơn hẳn người DTTS gấp 1,6 lần, khi phần trăm số người Kinh đạt là 87% còn người DTTS chỉ có 53%. Điều này có thể thấy rõ bởi người Kinh thường xuyên cập nhật kiến thức về ATTP hơn so với người DTTS. Có lẽ do việc tiếp cận với các nguồn thông tin tuyên truyền của đồng bào còn gặp nhiều khó khăn, ví dụ như không có xe tuyên truyền đến từng địa phương để phổ biến, loa phát thanh thì ở xa nhà dân hay việc sử dụng băng rôn trong tuyên truyền cũng gây khó khăn trong việc tiếp cận của một số đối tượng không biết chữ.

Về thái độ: người dân tộc Kinh có thái độ về vấn đề ATVSTP tốt hơn người DTTS, với mức tỷ lệ phần trăm số người Kinh đạt là 80%; người DTTS đạt 52%. Dễ dàng nhận thấy nhóm những người DTTS có thái độ thấp hơn bởi đa số nhóm người DTTS có điều kiện vật chất còn thấp, họ không quan tâm nhiều đến vấn đề ATTP, đặc biệt hơn do thiếu kiến thức về ATTP nên họ thường có nhận định chưa đúng về các vấn đề ATTP.

Về thực hành: người dân tộc Kinh thực hành tốt hơn 2,4 lần so với người DTTS, nguyên nhân có thể do nhóm người dân tộc Kinh sớm nhận ra tầm quan trọng của việc thực hành tốt ATTP sẽ đảm bảo sức khỏe và an toàn cho người tiêu dùng. Người DTTS thực hành kém hơn không phải vì họ không quan tâm đến ATTP, không lo lắng cho sức khỏe mà do họ không được hoặc ít tiếp cận với thông tin, hơn nữa vì điều kiện kinh tế khó khăn nên đã ảnh hưởng đến việc thực hành bảo quản thực phẩm.

Từ kết quả trên cho thấy, nhóm người DTTS có điểm số KAP thấp hơn rất nhiều so với dân tộc Kinh. Điều này đòi hỏi sự quan tâm đặc biệt dành cho đồng bào DTTS từ các cơ quan quản lý chính quyền địa phương có phương pháp tuyên truyền phổ biến, tập huấn để giúp người dân được nâng cao hiểu biết về ATTP, từ đó nhằm giảm nguy cơ ngộ độc cho người dân.

3.3.3. Điểm kiến thức, thái độ, thực hành của người dân theo trình độ học vấn

Trình độ học vấn càng cao thì số người đạt càng tăng kiến thức, thái độ, thực hành về ATTP càng tốt.

Nhóm người không đi học có kiến thức thấp nhất (19% người đạt), thấp hơn: 2,6 lần so với tiểu học (49%), 3,6 lần so với trung học cơ sở (68%), 4,4 lần so với trung học phổ thông (84%) và gần 5 lần so với mức trung cấp trở lên.

Người có trình độ học vấn càng cao thì thái độ càng tốt. Nếu như người không đi học chỉ có 30%

người đạt thái độ yêu cầu thì đến trình độ trung cấp trở lên nó đã tăng gần gấp 3 lần (87%).

Mặc dù điểm thực hành còn thấp nhưng nhìn chung trình độ học vấn càng cao thì thực hành càng tốt.

Từ kết quả đó, ta có thể nhận ra tầm quan trọng của việc nâng cao trình độ dân trí người dân để nâng cao hiểu biết về VSATTP cho người dân là rất cần thiết. Trình độ cao thì việc tiếp thu kiến thức mới nhanh, hiểu biết mới rộng từ đó việc thực hành cũng sẽ tốt hơn.

4. Kết luận và kiến nghị

4.1. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, 392 người dân được khảo sát có tới 64,5% là nữ, có độ tuổi 18-39 là 64,3%, với 52% DTTS, có trình độ học vấn còn thấp, nghề nghiệp chủ yếu là nông dân. Hầu hết mọi đối tượng khảo sát đều biết đến thông tin an toàn thực phẩm (96,4%) với nguồn tin khác với một số nguồn chính như: người thân trong gia đình (54,1%), tivi/ đài phát thanh/ xe tuyên truyền (46,2% - mà chủ yếu tiếp tivi) và qua mạng xã hội (46,9). Mong muốn được phổ biến kiến thức, thông tin về ATTP của người dân nơi đây rất cao, đạt 97,2%.

KAP của người dân ở mức chưa cao với 69,64% người trả lời đạt kiến thức đúng, 56,89% người được hỏi đạt thái độ tốt và 54,59% người dân đạt yêu cầu thực hành. Trong đó, người dân tộc Kinh có KAP tốt hơn người DTTS, kiến thức người dân tộc Kinh cao hơn 1,6 lần, về thái độ cao hơn 1,5 lần và thực hành

tốt hơn 2,4 lần. Qua phân tích cho thấy, người có trình độ học vấn càng cao thì KAP càng tốt. Theo phân tích mối tương quan có thể thấy được người có kiến thức tốt thì thái độ và thực hành cũng tốt.

4.2. Kiến nghị

Để có thể nâng cao hiểu biết về VSATTP của người dân tại huyện miền núi Nam Trung Bộ thì cần có sự phối hợp của cả cơ quan quản lý, chính quyền địa phương và người dân.

- Đối với người dân: Cần tự nâng cao kiến thức ATTP bằng cách dành nhiều thời gian hơn để tiếp cận với thông tin ATTP, tích cực tham gia các buổi tập huấn, tuyên truyền, phổ biến kiến thức do cơ quan chức năng phối hợp với chính quyền địa phương phối hợp tổ chức.

- Đối với cơ quan quản lý, chính quyền địa phương cần tăng cường năng lực nâng cao chuyên môn về ATTP cho đội ngũ chuyên trách về công tác ATTP tại địa phương; tích cực tuyên truyền nâng cao kiến thức, cũng như lợi ích và tầm quan trọng của ATTP đến người dân bằng các phương tiện như đài phát thanh, xe tuyên truyền, lớp tập huấn; tích cực triển khai mạnh mẽ và đồng bộ các hoạt động thông tin giáo dục và truyền thông thay đổi hành vi và nhận thức. Đồng thời có biện pháp nâng cao trình độ dân trí, xóa nạn mù chữ cho nhóm người dân còn chưa biết chữ, để họ có cơ hội tiếp cận thông tin ATTP từ nhiều phương tiện khác nhau. Bên cạnh đó, có biện pháp nâng cao kinh tế - xã hội cho người dân cũng là yếu tố thực hiện tốt hơn VSATTP ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Tài liệu tiếng Việt:

Báo Nhân dân (2022). Tập trung nguồn lực phát triển miền núi Nam Trung Bộ. Truy cập tại <https://nhandan.vn/tap-trung-nguon-luc-phat-trien-mien-nui-nam-trung-bo-post726728.html>

Hồ Văn Sơn (2019). Kiến thức và thực hành về an toàn thực phẩm thức ăn đường phố của học sinh trung học cơ sở tại huyện Tân Phú Đông, Tiền Giang năm 2018. Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh, 23(5), 34-41.

Lê Vĩnh Liên Trang và Nguyễn Thuần Anh (2015). Đánh giá kiến thức, thái độ, thực hành của ngư dân về an toàn thực phẩm hải sản ở Khánh Hòa. Tạp chí Khoa học -- Công nghệ Thủy sản, (3), 150-157.

Nguyễn Thị Ánh Chi và các cộng sự (2019). Kiến thức và thực hành về an toàn thực phẩm của người nội trợ chính trong gia đình tại thành phố Huế năm 2017. Tạp chí Y học Dự phòng, 29(2), 141-149.

Phạm Thị Chung, Phạm Duy Tường . (2020). Kiến thức, thực hành về an toàn thực phẩm và một số yếu tố liên quan của người chế biến tại bếp ăn các trường tiểu học quận Cầu Giấy, Hà Nội năm 2019. Tạp chí Y học Cộng đồng, 59(6), 182-187.

Phùng Thế Tài, Trương Thị Thùy Dương và Trần Thị Huyền Trang (2019). Kiến thức, thực hành về an toàn vệ sinh thực phẩm của người kinh doanh thực phẩm tươi sống tại chợ Bắc Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Tạp chí Y học Cộng đồng, 50(3), 123-129.

Tài liệu tiếng nước ngoài:

Asmawi et al (2018). An Assessment of Knowledge, Attitudes and Practices in Food Safety Among Food Handlers Engaged in Food Courts, Food and Nutrition Journal, 6(2), 346-353.

Cochran, W. G. (1963). Sampling techniques (2nd ed.). New York, NY: John Wiley & Sons.

Tuglo, L. S., et al. (2021). Food safety knowledge, attitude, and hygiene practices of street-cooked food handlers in North Dayi District, Ghana. Environmental Health and Preventive Medicine, 26, Article 54. Available at <https://doi.org/10.1186/s12199-021-00975-9>

Wafa O. (2018). Food safety knowledge and practices among Saudi mothers. Foods, 7, Article 193. Available at <https://doi.org/10.3390/foods7120193>

Ngày nhận bài: 5/3/2026
Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 22/3/2026
Ngày chấp nhận đăng bài: 9/4/2026

**ASSESSING KNOWLEDGE, ATTITUDES,
AND PRACTICES REGARDING FOOD HYGIENE AND SAFETY
IN MOUNTAINOUS DISTRICTS OF SOUTH-CENTRAL VIETNAM**

● **LUU HONG PHUC¹**
● **PHAN THI THANH HIEN¹**
● **TRUONG THI XUAN²**

¹Faculty of Food Technology, Nha Trang University
²Faculty of Social Sciences and Humanities, Nha Trang University

ABSTRACT:

This study examines the knowledge, attitudes, and practices (KAP) related to food hygiene and safety among Kinh and ethnic minority populations in a mountainous district of South-Central Vietnam. Using structured questionnaires and face-to-face interviews, data were collected from 392 respondents aged 18–55, with an approximately equal representation of Kinh and ethnic minority participants. The findings indicate relatively low educational attainment within the sample, with 57.4% of respondents not completing high school. Further analysis reveals a positive association between education level and knowledge of food hygiene and safety; however, attitudes and practices show no strong correlation with either educational attainment or ethnic background. Overall, the results highlight disparities between knowledge and behavioral outcomes in food safety practices across population groups.

Keywords: food safety, knowledge, attitudes, practices, assessment.